

Số: 37/QĐ-THBM

Hải Dương, ngày 13 tháng 6 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán bổ sung ngân sách năm 2025
của Trường Tiểu học Bình Minh**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 3064; 3066/QĐ-UBND ngày 12/06/2025 của UBND thành phố Hải Dương về việc cấp kinh phí giáo viên dạy người khuyết tật HKII năm học 2024 - 2025 và kinh phí dạy thừa giờ cho GV biên chế năm học 2024 - 2025;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán Trường TH Bình Minh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai kinh phí thực hiện chi trả giáo viên dạy người khuyết tật HKII năm học 2024 - 2025 và dạy thừa giờ cho GV biên chế năm học 2024 - 2025 của Trường Tiểu học Bình Minh (theo các biểu đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Bộ phận kế toán, các bộ phận chuyên môn tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng Tài chính-KH;
- Các bộ phận chuyên môn;
- Lưu :VT, Kế toán.

HIỆU TRƯỞNG



Phan Thị Thúy

Đơn vị: Trường TH Bình Minh

Biểu 02/TT61

Chương: 622



DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số 37/QĐ-THBM ngày 13/06/2025 của trường TH Bình Minh)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

ĐVT: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách học phí	0.00
1	Số thu học phí	
1.1	Học phí	
		
2	Chi từ nguồn thu học phí được để lại	
2.1	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2.2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
...		
3	Số học phí nộp NSNN	
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	98,863
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	98,863
2.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	20,678
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	78,185